

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 362 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Ong Hoàng L, sinh năm 1957; địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Lâm Thị Nga, sinh năm: 1959; địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ong Hoàng L và bà Lâm Thị N thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2006, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2006 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Ông Ong Hoàng L và bà Lâm Thị N xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ông Ong Hoàng L và bà Lâm Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Ong Hoàng L và bà Lâm Thị N xác định không có

con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Ong Hoàng L và bà Lâm Thị N được miễn nộp tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Bích Thảo**